TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/DS-ST
Ngày 30/9/2022
Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoàng Việt;
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1946 (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 13 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1986 (Vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 26 ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 (Bút lục 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ngày 18/11/2018, ông L với chị Nguyễn Thị S giao kết với nhau Hợp đồng vay tài sản. Theo Hợp đồng, ông L cho chị S vay 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), lãi suất 3%/tháng. Thực hiện Hợp đồng, ông L đã giao và chị S đã nhận 03 (Ba) chỉ vàng 24K, tương đương 13.000.000 đồng. Hợp đồng này, chị S đã trả tiền lãi được 4.500.000 đồng. Đến ngày 10/11/2020, chị S tiếp tục vay thêm của ông L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng); lãi suất cũng thỏa thuận 3%/tháng, chị S đã trả tiền lãi một tháng được 180.000 đồng.

Do chị S không có thiện chí trả nợ vay, ông L đã yêu cầu và được Tổ hòa giải ấp Chợ, xã Trung Bình hòa giải. Khi hòa giải, chị S hứa trả nợ mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) nhưng không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Nay, ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc chị Nguyễn Thị S phải thanh toán trả ông L số tiền nợ vay là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng), không yêu cầu trả lãi vay.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là: Bản sao Căn cước công dân, Sổ hộ khẩu của ông L; Văn bản "Hai bên thỏa thuận" ngày 09/8/2020, được chị Nguyễn Thị S ký tên tại phần người vay tiền; Đơn yêu cầu hòa giải ngày 02/10/2020 của ông L; Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp Chợ, xã Trung Bình; Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ (Bút lục 02 đến 14).

- Đối với bị đơn Nguyễn Thị S: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của ông L nhưng chị S không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Chị S còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp cho chị S và đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 14/9/2022, bị đơn vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn L, buộc bị đơn Nguyễn Thị S phải thanh toán trả nguyên đơn số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng, quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ông Nguyễn Văn L khởi kiện, yêu cầu chị Nguyễn Thị S trả nợ các khoản vay theo Hợp đồng ngày 18/11/2018 và ngày 10/11/2020. Đây là giao dịch dân sự được điều chỉnh tại Điều 463, các quy định tương ứng của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn S.

[2] Về nội dung giải quyết.

Căn cứ Văn bản "Hai bên thỏa thuận" ngày 09/8/2020 (Bút lục 08), Biên bản hòa giải của Tổ hòa giải ấp Chợ (Bút lục 11) cũng như việc không phản đối của chị S; đối chiếu với quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của ông L về giao kết Hợp đồng vay tài sản với chị S là sự thật. Mặc dù Hợp đồng vay tiền không được lập thành văn bản nhưng thực tế đã diễn ra theo lời trình bày của nguyên đơn và việc không phản đối của bị đơn; theo đó, ông L là bên cho vay còn chị S là bên vay. Đến ngày 30/9/2022, chị S đã vay và còn nợ ông L 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Vì vậy, giữa ông L với chị S đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 119, Điều 463 của Bộ luật dân sự. Do bên vay không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tình tiết thực tế, có cơ sở xác định ông L với chị S đã giao kết Hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi. Nhiều lần ông L yêu cầu thanh toán, là đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước nên chị S có nghĩa vụ trả lại tiền vay quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị S chưa trả nợ và ông L có đơn yêu cầu thi hành án, chị S phải trả lãi theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV. Cụ thể, chị S phải chịu án phí là 19.000.000 đồng x 5% = 950.000 đồng.

[4] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 357, Khoản 2 Điều 468, Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L đối với chị Nguyễn Thị S, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc chị Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả ông L số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, chị S chưa trả nợ và ông L có đơn yêu cầu thi hành án, chị S phải trả lãi theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, số tiền chị S phải nộp là 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do ông L được miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không phải xử lý.

3. Ông Nguyễn Văn L có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; chị Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ; để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG